



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 1301026370 ngày 17 tháng 3 năm 2017
Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Bến Tre cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Văn Tuấn	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thuý	Thành viên
Ông Nguyễn Sơn Dương	Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Văn Biên	Trưởng ban
Ông Hà Đức Trung	Thành viên
Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lưu Văn Tuấn	Giám đốc
Bà Lê Thị Tố Uyên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Ấp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7)
Xã An Phước, Huyện Châu Thành
Tỉnh Bến Tre
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 26 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, ngày 16 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00459-22-1



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		63.342.862.390	125.728.415.160
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.751.711.618	76.102.841.906
Tiền	111		2.751.711.618	22.102.841.906
Các khoản tương đương tiền	112		-	54.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.693.797.793	9.803.628.678
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.286.759.190	9.454.921.850
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		306.999.501	186.799.670
Phải thu ngắn hạn khác	136		100.039.102	161.907.158
Hàng tồn kho	140	6	57.060.022.346	38.877.293.691
Tài sản ngắn hạn khác	150		837.330.633	944.650.885
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		837.330.633	944.650.885
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		558.385.169.837	630.045.744.229
Các khoản phải thu dài hạn	210		25.000.000	50.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		25.000.000	50.000.000
Tài sản cố định	220		538.122.424.224	609.037.929.021
Tài sản cố định hữu hình	221	7	538.122.424.224	609.037.929.021
Nguyên giá	222		740.816.446.461	740.557.501.461
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.694.022.237)	(131.519.572.440)
Tài sản dở dang dài hạn	240		502.286.096	306.068.672
Xây dựng cơ bản dở dang	242		502.286.096	306.068.672
Tài sản dài hạn khác	260		19.735.459.517	20.651.746.536
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	19.082.397.481	19.628.975.435
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		653.062.036	1.022.771.101
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		621.728.032.227	755.774.159.389

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		490.374.349.359	623.096.350.911
Nợ ngắn hạn	310		173.703.629.907	220.902.850.911
Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	11.547.126.562	20.670.680.728
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.500	27.188.273
Thuế phải nộp Nhà nước	313	10	68.456.672.078	74.693.808.714
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	6.598.784.285	9.673.515.687
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.040.436.424	1.035.895.880
Vay ngắn hạn	320	12(a)	86.000.000.000	114.750.346.637
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.519.058	51.414.992
Nợ dài hạn	330		316.670.719.452	402.193.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		224.250.000	193.500.000
Vay dài hạn	338	12(b)	316.446.469.452	402.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		131.353.682.868	132.677.808.478
Vốn chủ sở hữu	410	13	131.353.682.868	132.677.808.478
Vốn cổ phần	411	14	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.353.682.868	32.677.808.478
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.343.408.478	21.533.353.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.010.274.390	11.144.454.929
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		621.728.032.227	755.774.159.389

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	16	489.509.302.154	499.349.249.983
Giá vốn hàng bán	11	17	444.929.231.629	434.944.266.830
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		44.580.070.525	64.404.983.153
Doanh thu hoạt động tài chính	21		386.031.103	705.773.498
Chi phí tài chính	22		30.078.817.242	41.121.289.904
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		30.078.817.242	41.097.029.104
Chi phí bán hàng	25		17.055.009	18.169.806
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	10.437.256.169	11.566.382.805
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.432.973.208	12.404.914.136
Thu nhập khác	31		2.281.398.456	1.930.878.794
Chi phí khác	32		329.106.176	273.974.269
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.952.292.280	1.656.904.525
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.385.265.488	14.061.818.661
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	1.005.282.033	2.999.444.013
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	20	369.709.065	(82.080.281)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.010.274.390	11.144.454.929

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2021	2020
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		6.385.265.488	14.061.818.661
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		71.174.449.797	60.113.446.464
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(386.031.103)	(705.773.498)
Chi phí lãi vay	06		30.078.817.242	41.097.029.104
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		107.252.501.424	114.566.520.731
Biến động các khoản phải thu	09		7.134.830.885	8.838.016.848
Biến động hàng tồn kho	10		(18.182.728.655)	5.263.629.940
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(14.919.572.335)	(12.245.813.021)
Biến động chi phí trả trước	12		653.898.206	10.303.330.242
			81.938.929.525	126.725.684.740
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.303.808.038)	(41.892.996.135)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.287.947.335)	(6.610.839.900)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	11.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.325.295.934)	(280.732.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.021.878.218	77.953.036.359
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(455.162.424)	(28.005.939.417)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		386.031.103	821.115.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(69.131.321)	(27.184.823.455)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		491.736.674.262	323.516.841.309
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(606.040.551.447)	(357.212.964.124)
Tiền chi trả cổ tức	36		(5.000.000.000)	(20.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(119.303.877.185)	(53.696.122.815)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(73.351.130.288)	(2.927.909.911)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		76.102.841.906	79.030.751.817
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	2.751.711.618	76.102.841.906

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thế Lộc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 BIA
 SÀI GÒN - BẾN TRE
 H. CHÂU THÀNH - B. BẾN TRE

Lưu Văn Tuấn
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 114 nhân viên (1/1/2021: 121 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 110.361 triệu VND (1/1/2021: 95.174 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 12). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có với giá trị là 100.000 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	2.751.711.618	22.102.841.906
Các khoản tương đương tiền	-	54.000.000.000
	<hr/> 2.751.711.618	<hr/> 76.102.841.906

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - một bên liên quan	2.178.627.388	9.454.426.850
Các khách hàng khác	108.131.802	495.000
	<hr/> 2.286.759.190	<hr/> 9.454.921.850

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	18.757.345.736	-	11.473.699.235	-
Công cụ và dụng cụ	5.694.992.709	-	3.409.889.084	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.849.939.672	-	14.432.988.168	-
Thành phẩm	19.687.607.877	-	9.560.717.204	-
Hàng hóa	70.136.352	-	-	-
	<hr/> 57.060.022.346	<hr/> -	<hr/> 38.877.293.691	<hr/> -

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	197.811.249.918	540.710.716.452	2.035.535.091	740.557.501.461
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	258.945.000	-	258.945.000
Số dư cuối năm	197.811.249.918	540.969.661.452	2.035.535.091	740.816.446.461
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	16.657.179.141	114.421.762.462	440.630.837	131.519.572.440
Khấu hao trong năm	8.000.422.170	62.733.295.431	440.732.196	71.174.449.797
Số dư cuối năm	24.657.601.311	177.155.057.893	881.363.033	202.694.022.237
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	181.154.070.777	426.288.953.990	1.594.904.254	609.037.929.021
Số dư cuối năm	173.153.648.607	363.814.603.559	1.154.172.058	538.122.424.224

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 538.122 triệu VND (1/1/2021: 609.038 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12(b)).

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.914.868.467	269.613.015	444.493.953	19.628.975.435
Tăng trong năm	-	149.500.000	260.886.727	410.386.727
Phân bổ trong năm	(422.012.723)	(186.381.044)	(348.570.914)	(956.964.681)
Số dư cuối năm	18.492.855.744	232.731.971	356.809.766	19.082.397.481

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 18.493 triệu VND (1/1/2021: 18.915 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 12(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.764.480.241	863.360.275
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	2.128.061.295	1.343.100.000
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	-	15.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.654.585.026	3.464.220.453
	<hr/>	<hr/>
	11.547.126.562	20.670.680.728

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.764.480.241	863.360.275
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	276.788.081	311.793.657
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	-	5.706.050
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.152.464.129	94.929.321.542	(96.694.865.111)	6.386.920.560
Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.318.278.087	462.741.613.796	(464.782.132.292)	61.277.759.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.999.444.013	1.005.282.033	(3.287.947.335)	716.778.711
Thuế thu nhập cá nhân	223.622.485	581.162.972	(729.572.241)	75.213.216
Các loại thuế khác	-	3.000.400	(3.000.400)	-
	74.693.808.714	559.260.380.743	(565.497.517.379)	68.456.672.078

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.691.209.158	3.916.199.954
Chi phí thưởng	3.265.310.182	5.113.855.503
Chi phí phải trả khác	642.264.945	643.460.230
	6.598.784.285	9.673.515.687

12. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	38.750.346.637	491.736.674.262	(530.487.020.899)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 12(b))	76.000.000.000	86.000.000.000	(76.000.000.000)	86.000.000.000
	114.750.346.637	577.736.674.262	(606.487.020.899)	86.000.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	4,50% - 4,80%	-	38.750.346.637

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 12(b).

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn (*)	402.446.469.452	478.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12(a))	(86.000.000.000)	(76.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	316.446.469.452	402.000.000.000

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vietinbank - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	6,58% - 7,12%	2026	402.446.469.452	478.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 556.615 triệu VND (1/1/2021: 627.953 triệu VND) (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 8).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	100.000.000.000	41.533.353.549	141.533.353.549
Lợi nhuận thuần trong năm	-	11.144.454.929	11.144.454.929
Cổ tức (Thuyết minh 15)	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	100.000.000.000	32.677.808.478	132.677.808.478
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.010.274.390	5.010.274.390
Cổ tức (Thuyết minh 15)	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2020	-	(1.334.400.000)	(1.334.400.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	100.000.000.000	31.353.682.868	131.353.682.868

14. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 5.000 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2020: 20.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).

16. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	482.692.346.461	492.196.682.598
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	945.433.960.257	954.842.970.439
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(462.741.613.796)	(462.646.287.841)
▪ Bán bã bia	5.633.258.800	5.484.578.000
▪ Doanh thu khác	1.183.696.893	1.667.989.385
	<hr/>	<hr/>
	489.509.302.154	499.349.249.983
	<hr/>	<hr/>

17. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	444.712.144.665	434.803.655.469
▪ Hàng hoá đã bán	217.086.964	140.611.361
	<hr/>	<hr/>
	444.929.231.629	434.944.266.830
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.575.437.207	8.741.782.517
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	176.099.562	458.973.757
Chi phí khấu hao	443.232.192	187.548.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.759.272.166	1.969.570.393
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	483.215.042	208.507.490
	<hr/>	<hr/>
	10.437.256.169	11.566.382.805
	<hr/>	<hr/>

19. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	354.560.084.844	346.770.287.588
Chi phí nhân công và nhân viên	21.616.811.502	24.344.038.616
Chi phí khấu hao	71.174.449.797	60.113.446.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.385.961.517	17.358.870.005
Chi phí khác	675.430.497	663.820.726
	<hr/>	<hr/>

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	1.005.282.033	2.999.444.013
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	369.709.065	(82.080.281)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.374.991.098	2.917.363.732
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.385.265.488	14.061.818.661
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.277.053.098	2.812.363.732
Chi phí không được khấu trừ thuế	97.938.000	105.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.374.991.098	2.917.363.732

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	944.552.204.300	954.417.674.260
Bán khác	1.036.977.475	129.600.000
Mua nguyên vật liệu	326.526.514.717	289.483.445.143
Cổ tức đã trả	1.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	251.625.528	1.316.959.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	228.408.600	104.219.327
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng		
Mua nguyên vật liệu	-	17.325.000



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán khác	194.512.500	195.436.500
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Bán khác	59.926.364	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán khác	47.722.500	33.043.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán khác	5.603.540	5.603.540
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu		
Bán khác	20.244.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lưu Văn Tuấn - Chủ tịch	104.000.000	120.000.000
Bà Bùi Thị Thúy – Thành viên	78.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Sơn Dương – Thành viên	78.000.000	96.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	78.000.000	96.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	78.000.000	96.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>	2.721.488.887	3.119.355.480
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Đỗ Văn Biên – Trưởng ban	65.000.000	60.000.000
Ông Hà Đức Trung – Thành viên	52.000.000	48.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	48.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

